

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Sở hữu trí tuệ**

Tên học phần (tiếng Anh): **Intellectual Property Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011809
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 35 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						
		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Ngành <input checked="" type="checkbox"/>			Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật

Học phần học trước: Luật Dân sự

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Sở hữu trí tuệ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức lý luận chung về sở hữu trí tuệ; đối tượng, điều kiện bảo hộ, thời hạn bảo hộ, văn bằng bảo hộ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hợp đồng có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng phân tích được những kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ, thực hành kỹ

năng vận dụng những quy định pháp luật sở hữu trí tuệ giải quyết những tình huống giả định, hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, soạn thảo hợp đồng có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ. Môn học cũng giúp cho người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các khái niệm cơ bản trong luật sở hữu trí tuệ	Kiến thức
CLO2	Vận dụng được các kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống pháp lý	Kiến thức
CLO3	Kỹ năng phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Kỹ năng
CLO4	Kỹ năng soạn thảo hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Khái quát chung về luật sở hữu trí tuệ 1.1. Khái niệm, đặc điểm 1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh 1.3. Nguồn của Luật sở hữu trí tuệ 1.4. Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ 1.5. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam qua các thời kỳ	3	2	15	CLO1 CLO 2	Thuyết giảng	[1], [4] [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính
2	Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 1.1. Quyền tác giả 1.2. Quyền liên quan	13	3	35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Thảo luận nhóm	[1]; [2];[4] [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp	15	3	40	CLO1 CLO2	Thuyết giảng	[1]; [2]; [3]; [4];	Đọc chương 3

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 2.1.1. Sáng chế và giải pháp hữu ích 2.1.2. Kiểu dáng công nghiệp 2.1.3. Nhãn hiệu 2.1.4. Tên thương mại 2.1.5. Chỉ dẫn địa lý				CLO3 CLO4 CLO5	Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[5].	giáo trình chính
4	Chương 4: Quyền đối với giống cây trồng 1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng 1.3. Điều kiện bảo hộ 1.4. Thời hạn bảo hộ 1.5. Thủ tục đăng ký bảo hộ	3	2	15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Thảo luận.	[1]; [2]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Trường Đại học Luật TP:HCM. 2019. Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

(2) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2021. Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, NXB. Công an nhân dân.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(3) Trường Đại học Luật TpHCM. 2019. Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, NXB. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
		Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4] Hoặc tiểu luận cá nhân [4]	50%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO2			M					M		
CLO3								M	M	
CLO4			M						M	
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X		X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Tự học		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
			(50%≤80%)		(90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Hồ Thị Thanh Trúc

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Trúc	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0909022483
Email: hotruc@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	